

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-6-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nụ.

2. Ông Nguyễn Thế Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Nện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát Nện.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị X** - Sinh năm 1993.

Đăng ký HKTT: Xóm X, thôn TP, xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: S, F, G, Japan (Nhật Bản).

*** Bị Đơn:** Anh **Phạm Thế T** - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 7, thôn TP, xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

(Chị X, anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt; Nguyên đơn - chị Phạm Thị X trình bày:** Chị và anh Phạm Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình ngày 27/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Cuối

năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do quan điểm sống khác nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Thế T.

Chị và anh Phạm Thế T có 03 con chung là Phạm Linh N, sinh ngày 25/12/2011, Phạm Khả N, sinh ngày 12/02/2013 và Phạm Thế Chấn P, sinh ngày 09/4/2018. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Nệc cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh Phạm Thế T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang lao động tại Nhật Bản, không thể về tham gia tố tụng tại Tòa án, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Anh Phạm Thế T trình bày:* Anh và chị Phạm Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình ngày 27/01/2011. Hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay chị X xin ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị Phạm Thị X 03 con chung là Phạm Linh N, sinh ngày 25/12/2011, Phạm Khả N, sinh ngày 12/02/2013 và Phạm Thế Chấn P, sinh ngày 09/4/2018. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao 3 con chung cho anh nuôi dưỡng, anh yêu cầu chị X khi về thăm con phải hỏi ý kiến anh và bố mẹ anh. Anh không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung và anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TH thể hiện:* Chị Phạm Thị X và anh Phạm Thế T đăng ký kết hôn ngày 27/01/2011 tại UBND xã TH do tự nguyện. Quá trình chung sống chị X, anh T có phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, cơ sở thôn và chính quyền địa phương không phải can thiệp. Nay chị X xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh T và chị X có 3 con chung, hiện nay anh T đang nuôi cả 3 con chung, anh T có công Nệc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi cả 3 con chung.

** Đại diện Nện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị:* Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị X được ly hôn anh Phạm Thế T.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Linh N, sinh ngày 25/12/2011, Phạm Khả N, sinh ngày 12/02/2013 và Phạm Thế Chấn P, sinh ngày 09/4/2018. Nặng cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát Nền, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Chị Phạm Thị X, anh Phạm Thế T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thế T và chị Phạm Thị X kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện KX, tỉnh Thái Bình ngày 27/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Cuối năm 2019, chị X đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, hai bên không quan tâm đến nhau và sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị X xin ly hôn, anh T đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị X được ly hôn anh Phạm Thế T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị X và anh Phạm Thế T có 03 con chung là Phạm Linh N, sinh ngày 25/12/2011, Phạm Khả N, sinh ngày 12/02/2013 và Phạm Thế Chấn P, sinh ngày 09/4/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Phạm Thế T. Ly hôn, chị X đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, anh T nhất trí và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Xác minh tại địa phương anh T có Nặng làm, thu nhập, chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị X và anh Phạm Thế T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị X được ly hôn anh Phạm Thế T.

2. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Linh N, sinh ngày 25/12/2011, Phạm Khả N, sinh ngày 12/02/2013 và Phạm Thế Chân P, sinh ngày 09/4/2018. Nệc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Phạm Thị X nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005329 ngày 12/4/2022 (do anh Nguyễn Lâm Phú nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị X, anh Phạm Thế T. Chị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã TH, h.KX, t.Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thảo

